



Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 52914 ngày 16 tháng 6 năm 1997

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số** 4703000102 ngày 26 tháng 4 năm 2004

Giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng là giấy phép đầu tư số 52914 ngày 12 tháng 11 năm 2003 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000102 ngày 5 tháng 1 năm 2011. Giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ngô Thị Thông Nguyễn Anh Tuấn Huỳnh Quốc Thái Nguyễn Huy Hùng Trịnh Minh Hưng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

Ban Giám đốc	Ngô Thị Thông Nguyễn Anh Tuấn Huỳnh Quốc Thái	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
---------------------	---	---

Trụ sở đăng ký	Xã Phước Thái, Huyện Long Thành Tỉnh Đồng Nai Việt Nam
-----------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế Toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trình bày từ trang 4 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế Toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến báo cáo tài chính giữa niên độ; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc 



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Ngô Han (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 8 năm 2014, được trình bày từ trang 4 đến 35. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét: 14-01-377




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2014

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		721.922.009.923	638.218.131.208
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	79.464.503.971	56.751.780.934
Tiền	111		65.741.196.941	27.760.546.271
Các khoản tương đương tiền	112		13.723.307.030	28.991.234.663
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu	130	6	339.523.345.585	311.553.498.619
Phải thu khách hàng	131		273.667.697.876	262.936.872.710
Trả trước cho người bán	132		35.962.856.958	11.734.575.397
Phải thu khác	135		32.119.429.916	37.108.689.677
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(2.226.639.165)	(226.639.165)
Hàng tồn kho	140	7	278.789.364.217	253.382.240.566
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.144.796.150	6.530.611.089
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.191.398.409	1.216.450.787
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.782.212.621	5.277.089.203
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		164.401.988	30.287.967
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.783.132	6.783.132
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		138.119.052.992	120.553.984.985
Tài sản cố định	220		134.415.389.675	112.594.179.702
Tài sản cố định hữu hình	221	8	82.938.120.632	73.303.448.463
Nguyên giá	222		217.464.226.057	199.998.545.165
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(134.526.105.425)	(126.695.096.702)
Tài sản cố định vô hình	227	9	14.685.060.000	14.685.060.000
Nguyên giá	228		16.933.209.590	16.933.209.590
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.248.149.590)	(2.248.149.590)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	36.792.209.043	24.605.671.239
Tài sản dài hạn khác	260		3.703.663.317	7.959.805.283
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.523.390.314	3.601.856.609
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		180.273.003	180.273.003
Tài sản dài hạn khác	268		-	4.177.675.671
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		860.041.062.915	758.772.116.193

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		537.142.583.724	438.285.583.274
Nợ ngắn hạn	310		525.892.583.724	426.785.583.274
Vay ngắn hạn	311	12	455.466.448.650	300.828.151.445
Phải trả người bán	312		31.475.461.147	106.441.415.348
Người mua trả tiền trước	313		1.114.967.599	3.201.776.862
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	13	4.049.236.425	5.407.161.574
Phải trả người lao động	315		1.762.090.722	1.658.782.207
Chi phí phải trả	316	14	4.218.976.479	4.723.587.021
Phải trả nội bộ	317		102.115.000	72.800.000
Phải trả khác	319	15	27.703.287.702	4.451.908.817
Nợ dài hạn	330		11.250.000.000	11.500.000.000
Vay dài hạn	334	16	11.250.000.000	11.500.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		322.898.479.191	320.486.532.919
Vốn chủ sở hữu	410	17	322.898.479.191	320.486.532.919
Vốn cổ phần	411	18	229.506.273.435	229.506.273.435
Cổ phiếu quỹ	414	18	(35.760.000)	(35.760.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		35.760.000	35.760.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		93.392.205.756	90.980.259.484
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		860.041.062.915	758.772.116.193

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
Ngoại tệ		
USD	2.666	18.939
EUR	6	6
GBP	57	57

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Tổng doanh thu	01	20	900.471.746.516	778.898.998.455
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		536.502.438	383.813.186
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		899.935.244.078	778.515.185.269
Giá vốn hàng bán	11	21	838.616.149.449	725.866.046.974
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		61.319.094.629	52.649.138.295
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	846.896.662	770.989.564
Chi phí tài chính	22	23	11.056.357.917	18.807.898.955
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>7.014.475.051</i>	<i>10.185.261.065</i>
Chi phí bán hàng	24		9.396.321.855	5.955.897.550
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.169.470.381	7.155.447.412
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		32.543.841.138	21.500.883.942
Thu nhập khác	31		593.800.053	401.195.085
Chi phí khác	32		7.302.894	4.768.000
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		586.497.159	396.427.085
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		33.130.338.297	21.897.311.027
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	24	7.341.534.846	5.472.164.440
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	24	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		25.788.803.451	16.425.146.587
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.124	716

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		33.130.338.297	21.897.311.027
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		7.831.008.723	6.935.569.251
Các khoản dự phòng	03		2.000.000.000	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	4.925.574.915
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(175.059.314)	(383.856.616)
Chi phí lãi vay	06		7.014.475.051	10.185.261.065
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		49.800.762.757	43.559.859.642
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(54.731.408.734)	(21.384.915.549)
Biến động hàng tồn kho	10		(25.407.123.651)	(17.746.370.408)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(76.876.606.280)	159.706.501.991
Biến động chi phí trả trước	12		491.632.856	(374.292.458)
			(106.722.743.052)	163.760.783.218
Tiền lãi vay đã trả	13		(7.285.219.420)	(10.714.608.984)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(8.676.108.296)	(2.490.478.096)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(426.229.835)	(283.889.233)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(123.110.300.603)	150.271.806.905

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(8.740.332.879)	(4.522.098.099)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	18.963.636
Thu lãi tiền gửi	27		175.059.314	364.892.980
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(8.565.273.565)	(4.138.241.483)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		809.432.880.592	440.198.478.829
Chi trả nợ gốc vay	34		(655.044.583.387)	(609.465.472.721)
Chi trả cổ tức	36		-	(11.090.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		154.388.297.205	(169.278.083.892)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		22.712.723.037	(23.144.518.470)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		56.751.780.934	48.967.758.794
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	79.464.503.971	25.823.240.324

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Ngô Han (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nguyên liệu đồng, nhôm, và cáp điện; mua bán nguyên liệu đồng, nhôm, sơn cách điện, giấy cách điện, dây điện tử, và cáp điện; và mua bán phế liệu đồng và nhôm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”). Chi tiết công ty con, được thành lập tại Việt Nam, như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Phần trăm sở hữu thực tế
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Ngô Han	Mua bán kim loại, quặng kim loại, máy móc và thiết bị và linh kiện điện tử; lắp đặt mạng lưới điện; bán lẻ đồ gia dụng; mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc nông nghiệp.	0311440941	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Nhóm công ty có 285 nhân viên (31 tháng 12 năm 2013: 280 nhân viên) và Công ty có 285 nhân viên (31 tháng 12 năm 2013: 263 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Các báo cáo này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính của Nhóm công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(b) Cơ sở hạch toán

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ báo cáo

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt, trừ khoản đầu tư mà Ban Giám đốc có ý định bán khoản đầu tư này trong một tương lai gần.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng	5 – 25 năm
▪ máy móc	4 – 12 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất với thời hạn sử dụng không xác định được ghi theo nguyên giá và không tính khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và thiết bị

Công cụ và thiết bị bao gồm các tài sản Nhóm công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và thiết bị được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Nhóm công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Nhóm công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong kỳ xây dựng sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Nhóm công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Nhóm công ty hoạt động trong một lĩnh vực hoạt động kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dây cáp điện và một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	1.330.919.881	1.889.945.837
Tiền gửi ngân hàng	64.410.277.060	25.870.600.434
Tương đương tiền	13.723.307.030	28.991.234.663
	<hr/>	<hr/>
	79.464.503.971	56.751.780.934
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Khoản đầu tư ngắn hạn này thể hiện khoản đầu tư vào 100% vốn của Công ty Cổ phần Nước Khoáng Cúc Phương. Khoản đầu tư này được mua lại bằng cách cắt trừ khoản phải thu 10 tỷ VND từ một khách hàng – Công ty TNHH Quang Trung. Khoản đầu tư này không bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này do Ban Giám đốc Công ty có ý định bán khoản đầu tư này trong ngắn hạn.

6. Các khoản phải thu

Phải thu khác bao gồm:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu từ các thành viên Ban Giám đốc	24.975.466.324	33.844.350.000
Tạm ứng	6.935.070.386	3.063.131.143
Ký quỹ ngắn hạn	121.644.500	121.644.500
Phải thu khác	87.248.706	79.564.034
	<hr/>	<hr/>
	32.119.429.916	37.108.689.677
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 232.796 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 86.718 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

7. Hàng tồn kho

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	29.737.558.788	30.830.457.103
Nguyên vật liệu	10.535.435.230	51.910.908.636
Công cụ và dụng cụ	9.722.721.109	8.652.752.876
Sản phẩm dở dang	3.179.613.022	2.606.531.239
Thành phẩm	206.208.587.008	134.050.514.748
Hàng hóa	19.405.449.060	25.331.075.964
	<hr/>	<hr/>
	278.789.364.217	253.382.240.566
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 196.020 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 170.632 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng VND	Máy móc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	26.056.900.680	162.283.465.378	1.707.899.667	9.950.279.440	199.998.545.165
Tăng trong kỳ	-	620.000.000	-	-	620.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	15.499.762.711	-	1.345.918.181	16.845.680.892
Phân loại lại	-	(7.463.637)	7.463.637	-	-
Số dư cuối kỳ	26.056.900.680	178.395.764.452	1.715.363.304	11.296.197.621	217.464.226.057
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	6.696.942.816	112.499.862.826	1.186.643.275	6.311.647.785	126.695.096.702
Khấu hao trong kỳ	640.180.088	6.613.545.511	80.614.588	496.668.536	7.831.008.723
Số dư cuối kỳ	7.337.122.904	119.113.408.337	1.267.257.863	6.808.316.321	134.526.105.425
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	19.359.957.864	49.783.602.552	521.256.392	3.638.631.655	73.303.448.463
Số dư cuối kỳ	18.719.777.776	59.282.356.115	448.105.441	4.487.881.300	82.938.120.632

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 59.091 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 43.212 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 11.718 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 13.686 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	14.685.060.000	2.248.149.590	16.933.209.590
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	-	2.248.149.590	2.248.149.590
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	14.685.060.000	-	14.685.060.000

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.248 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.248 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	24.605.671.239	20.811.041.397
Tăng trong kỳ	29.420.332.879	3.122.757.543
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(16.845.680.892)	(16.758.679.171)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(212.661.200)	(56.349.000)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(175.452.983)	-
Số dư cuối kỳ	36.792.209.043	7.118.770.769

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Máy móc	6.834.248.547	16.926.983.307
Nhà cửa	29.957.960.496	7.678.687.932
	36.792.209.043	24.605.671.239

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và thiết bị	
	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	3.601.856.609	3.069.898.414
Tăng trong kỳ	1.355.491.427	2.092.557.785
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	212.661.200	56.349.000
Phân bổ trong kỳ	(1.646.618.922)	(1.656.046.274)
Số dư cuối kỳ	3.523.390.314	3.562.758.925

12. Vay ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	455.433.448.650	297.828.151.445
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16)	33.000.000	3.000.000.000
	455.466.448.650	300.828.151.445

Điều kiện và điều khoản của khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	4,5% - 5%	81.744.982.846	48.630.518.665
Khoản vay ngân hàng 2	USD	2,8% - 4%	373.688.465.804	249.197.632.780
			455.433.448.650	297.828.151.445

Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 11.718 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 13.686 triệu VND), khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 232.796 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 86.718 triệu VND) và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 196.020 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 170.632 triệu VND).

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

13. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	217.324.684	217.324.684
Thuế nhập khẩu	752.949	752.949
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.831.158.792	5.165.732.242
Thuế thu nhập cá nhân	-	23.351.699
	4.049.236.425	5.407.161.574

14. Chi phí phải trả

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Hoa hồng cho khách hàng	2.500.000.000	2.337.634.622
Chi phí lãi vay	109.940.685	380.685.054
Lương tháng 13 và thưởng	1.310.313.583	1.870.000.001
Phí dịch vụ chuyên môn	157.054.844	35.267.344
Chi phí khác	141.667.367	100.000.000
	4.218.976.479	4.723.587.021

15. Phải trả khác

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Bảo hiểm xã hội	470.938.067	332.869.637
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	285.188.644	285.188.644
Nguyên vật liệu giữ hộ để gia công	50.144.760	50.144.760
Cổ tức phải trả	25.598.872.373	2.648.245.029
Phải trả khác	1.298.143.858	1.135.460.747
	27.703.287.702	4.451.908.817

(*) Tài sản thừa chờ xử lý thể hiện hàng tồn kho thừa được tìm thấy trong quá trình kiểm kho.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

16. Vay dài hạn

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	11.283.000.000	14.500.000.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 12)	(33.000.000)	(3.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	11.250.000.000	11.500.000.000
	<hr/>	<hr/>

Khoản vay dài hạn chịu lãi suất năm là 8,7% và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của hai lô đất của một thành viên thuộc Ban Giám đốc tại phố Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội với giá trị 32.013 triệu VND. Khoản vay đáo hạn vào năm 2018.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	229.506.273.435	(127.160.000)	127.160.000	45.035.316.298	274.541.589.733
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	16.425.146.587	16.425.146.587
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(283.889.233)	(283.889.233)
Cổ phiếu quỹ cấp cho nhân viên như cổ phiếu thưởng	-	91.400.000	(91.400.000)	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2013	229.506.273.435	(35.760.000)	35.760.000	61.176.573.652	290.682.847.087
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	29.803.685.832	29.803.685.832
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	229.506.273.435	(35.760.000)	35.760.000	90.980.259.484	320.486.532.919
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	25.788.803.451	25.788.803.451
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(426.229.835)	(426.229.835)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(22.950.627.344)	(22.950.627.344)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	229.506.273.435	(35.760.000)	35.760.000	93.392.205.756	322.898.479.191

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.950.627	229.506.273.435	22.950.627	229.506.273.435
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.950.627	229.506.273.435	22.950.627	229.506.273.435
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(3.576)	(35.760.000)	(3.576)	(35.760.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.947.051	229.470.513.435	22.947.051	229.470.513.435

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014		Năm kết thúc 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ/năm	22.947.051	229.470.513.435	22.937.911	229.379.113.435
Cổ phiếu quỹ phát hành cho nhân viên	-	-	9.140	91.400.000
Số dư cuối kỳ/năm	22.947.051	229.470.513.435	22.947.051	229.470.513.435

19. Cổ tức

Tại Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 25 tháng 4 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 22.950.627.344 VND, tương đương 1.000 VND mỗi cổ phiếu, của lợi nhuận năm 2013.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

20. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

21. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Thành phẩm đã bán	689.028.324.097	629.821.518.709
Hàng hoá mua để bán	4.342.709.412	7.030.357.071
Nguyên vật liệu đã bán	145.245.115.940	89.014.171.194
	838.616.149.449	725.866.046.974

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Thu lãi tiền gửi	175.059.314	364.892.980
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	671.837.348	399.416.330
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.680.254
	846.896.662	770.989.564

23. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	7.014.475.051	10.185.261.065
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.041.882.866	3.690.382.721
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.932.255.169
	11.056.357.917	18.807.898.955

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

24. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	7.341.534.846	5.472.164.440

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	33.130.338.297	21.897.311.027
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	7.288.674.425	5.474.327.757
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	-	(2.163.317)
	7.288.674.425	5.472.164.440
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	52.860.421	-
	7.341.534.846	5.472.164.440

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 25.788.803.451 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2013: 16.425.146.587 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 22.947.051 (ngày 30 tháng 6 năm 2013: 22.947.051), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	25.788.803.451	16.425.146.587
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	25.788.803.451	16.425.146.587

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	22.947.051	22.937.911
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ phát hành cho nhân viên	-	9.140
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông trong kỳ	22.947.051	22.947.051

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

26. Công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Nhóm công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ việc sử dụng các công cụ tài chính như sau:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này trình bày thông tin về nguy cơ của Nhóm công ty đối với từng rủi ro trên, mục tiêu, chính sách và phương pháp quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Nhóm công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một khách hàng hoặc bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Nhóm công ty.

(i) Trạng thái rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	78.133.584.090	54.861.835.097
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	303.560.488.627	299.818.923.222
		<hr/>	<hr/>
		381.694.072.717	354.680.758.319

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Nhóm công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Nhóm công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Nhóm công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Nhóm công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Nhóm công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	Gộp 30/6/2014 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 30/6/2014 VND	Gộp 31/12/2013 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2013 VND
Trong hạn	209.734.478.843	-	205.869.194.713	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	36.232.684.126	-	39.652.464.233	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	32.051.788.564	-	24.198.887.440	-
Quá hạn trên 180 ngày	27.768.176.259	(2.226.639.165)	30.325.016.001	(226.639.165)
	305.787.127.792	(2.226.639.165)	300.045.562.387	(226.639.165)

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	226.639.165	267.714.417
Tăng dự phòng trong kỳ	2.000.000.000	-
Số dư cuối kỳ	2.226.639.165	267.714.417

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	65.261.931.050	65.261.931.050	65.261.931.050	-	-
Vay ngắn hạn	455.433.448.650	458.791.727.909	458.791.727.909	-	-
Vay dài hạn	11.283.000.000	14.017.929.167	978.750.000	3.570.579.167	9.468.600.000
	531.978.379.700	538.071.588.126	525.032.408.959	3.570.579.167	9.468.600.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	117.348.493.393	117.348.493.393	117.348.493.393	-	-
Vay ngắn hạn	297.828.151.445	299.391.323.739	299.391.323.739	-	-
Vay dài hạn	14.500.000.000	18.016.129.167	4.216.550.000	3.959.175.000	9.840.404.167
	429.676.644.838	434.755.946.299	420.956.367.132	3.959.175.000	9.840.404.167

Phải trả người bán và phải trả khác bao gồm phải trả người bán, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác.

Nhóm công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Nhóm công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ khác VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD, EUR và GBP.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2014			31/12/2013		
	USD	EUR	GBP	USD	EUR	GBP
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.666	6	57	18.939	6	57
Phải thu khách hàng	579.807	-	-	797.066	-	-
Phải trả người bán	(308.450)	-	-	(3.316.204)	-	-
Vay ngắn hạn	(17.617.848)	-	-	(11.799.130)	-	-
	(17.343.825)	6	57	(14.299.329)	6	57

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
1 USD	21.208	21.120

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Phân tích độ nhạy cảm

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2014 USD (mạnh thêm 0,4%)	(1.147.595.885)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013 USD (mạnh thêm 1%)	(2.262.101.772)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính - Tiền và các khoản tương đương tiền	78.133.584.090	54.861.835.097
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính - Vay	(466.716.448.650)	(312.328.151.445)

Việc tăng 100 điểm cơ bản lãi suất sẽ làm giảm 3.640 triệu VND lợi nhuận thuần của Nhóm công ty 3.460 triệu VND. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/06/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	(*)	10.000.000.000	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	78.133.584.090	78.133.584.090	54.861.835.097	54.861.835.097
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	305.787.127.792	(*)	300.045.562.387	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(65.261.931.050)	(*)	(117.348.493.393)	(*)
- Vay	(466.716.448.650)	(*)	(312.328.151.445)	(*)
	(138.057.667.818)		(64.769.247.354)	

- (*) Nhóm công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

27. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Phải thu chuyển đổi thành đầu tư ngắn hạn	-	9.617.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang dưới hình thức tiền ứng trước cho thành viên Ban Giám đốc để mua nhà hộ cho Công ty	21.300.000.000	-

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ, ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Nhóm công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Thành viên Ban Giám đốc		
Tạm ứng cho bà Ngô Thị Thông – Tổng Giám đốc để mua nguyên liệu	12.401.000.000	-
Tạm ứng cho ông Nguyễn Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc để mua nguyên liệu	2.200.000.000	-
Thù lao cho Ban Giám đốc	1.420.195.835	1.410.899.346

29. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Nhóm công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	11.864.308.112	12.635.553.848

(b) Thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	433.524.000	757.524.000
Từ hai đến năm năm	288.096.000	318.096.000
Trên năm năm	1.022.529.000	1.041.291.000
	1.744.149.000	2.116.911.000

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	724.291.255.117	698.407.540.203
Chi phí nhân công và nhân viên	13.787.886.071	12.312.680.996
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.831.008.723	6.935.569.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.215.526.221	13.959.673.882
Chi phí khác	21.184.811.239	11.365.297.360

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc